

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 572/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2017

V/v: Ly hôn giữa chị N và anh S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 492/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị N; sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà 87, đường B, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Quang S; sinh năm 1977; nơi cư trú: Số nhà 87, đường B, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.; hiện anh S đang chấp hành án tại Phân trại 2, Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị N có mặt tại phiên tòa; anh S có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 08 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phùng Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh S tự nguyện kết hôn năm 2001, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố N ngày 27-11-2001. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S nghiện ma túy, không có trách nhiệm với gia đình. Anh S đã hai lần phải đi chấp hành án, hiện nay anh S đang phải đi chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh S rất nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có ba con chung là Trần Thị Thu T (giới tính: Nữ), sinh ngày 04-9-2000, Trần Thị Khánh L (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-01-2008 và Trần Thị Yên V (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-12-2010, hiện nay cả ba con đang sống cùng với chị N. Nay chị N có nguyện vọng được nuôi cả ba con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị N xác định không có gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại phân trại số 2 - Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa bị đơn anh Trần Quang S trình bày:

Về hôn nhân: Anh S xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị Phùng Thị N trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do anh mắc nghiện ma túy, chị N đã khuyên anh cai nghiện nhưng anh chưa cai nghiện được. Hiện nay anh đã chấp hành án được 10 tháng tại Phân trại số 2 - Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời gian chấp hành án còn lại là 14 tháng. Nay chị N xin ly hôn, anh S xét thấy anh đã làm khổ vợ con nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có ba con chung là Trần Thị Thu T (giới tính: Nữ), sinh ngày 04-9-2000, Trần Thị Khánh L (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-01-2008 và Trần Thị Yên V (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-12-2010, hiện nay cả ba cháu đang sống cùng với chị N. Nay anh đồng ý giao cả ba con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng: Anh S xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 05/12/2017 địa phương xác định vợ chồng chị N và anh S mâu thuẫn do anh S nghiện ma túy phải đi chấp hành án, tình cảm vợ chồng không gắn bó. Hiện nay ba con chung của anh chị đều do chị N nuôi dưỡng.

Tại đơn đề nghị của các cháu Trần Thị Thu T, Trần Thị Khánh L đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Ý kiến về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Ý kiến về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh S lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét chị N có nguyện vọng được nuôi cả ba con sau khi vợ chồng ly hôn, anh S cũng đồng ý giao ba con cho chị N nuôi vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh S giao ba con Trần Thị Thu T (giới tính: Nữ), sinh ngày 04-9-2000, Trần Thị Khánh L (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-01-2008 và Trần Thị Yến V (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-12-2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và vay nợ chung chị N không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Quang S là bị đơn đã có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 228 BLTTDS vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phùng Thị N và anh Trần Quang S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngô Quyền, thành phố Nam Định năm 2001 nên hôn nhân giữa chị N và anh S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S mắc nghiện ma túy và không có trách nhiệm gì với gia đình, anh S đã hai lần phải đi chấp hành án và đang phải chấp hành án tại phân trại số 2 - Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện nay, chị N và anh S cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh S ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh S theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. Về con chung: Chị N có nguyện vọng được nuôi ba con chung sau khi vợ chồng ly hôn, anh S cũng đồng ý giao cả ba con cho chị N nuôi dưỡng. Ngoài ra, cả hai cháu Trần Thị Thu T, Trần Thị Khánh L đều có nguyện vọng được ở với chị N sau khi bố mẹ ly hôn và hiện nay các con đang sinh sống ổn định cùng chị N. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao ba con Trần Thị Thu T (giới tính: Nữ), sinh ngày 04-9-2000, Trần Thị Khánh L (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-01-2008 và Trần Thị Yến V (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-12-2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Việc chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Ngọc và anh S xác định vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Án phí sơ thẩm ly hôn: Chị N là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị N và anh Trần Quang S.

2. Về con chung: Giao ba con Trần Thị Thu T (giới tính: Nữ), sinh ngày 04-9-2000, Trần Thị Khánh L (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-01-2008 và Trần Thị Yến V (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-12-2010 cho chị Phùng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phùng Thị N không yêu cầu anh Trần Quang S cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí: Chị Phùng Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Phùng Thị N đã nộp tại biên lai số 0000703 ngày 08-11-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Chị Phùng Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Quang S có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự
- UBND phường N;
- UBND phường C;
- VKSND thành phố N;
- THA Dân sự thành phố N;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Tổng Thị Kim Phụng

